

Số: /GPMT-CNCCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

## **GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

### **BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHỆ CAO VÀ KHU CÔNG NGHIỆP**

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 25/02/2025 của HĐND thành phố Hà Nội về việc thành lập, tổ chức lại các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;*

*Căn cứ Quyết định số 10/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội;*

*Xét đề nghị của Công ty TNHH Ferroli Asean tại Văn bản số 2712/2024/CV-FEA ngày 27/12/2024 và Văn bản số 107/CV-GPMT ngày 10/7/2025 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Cơ sở “Sản xuất, lắp ráp các loại bình nước nóng” (gọi tắt là Cơ sở);*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Xây dựng và Môi trường.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty TNHH Ferroli Asean, địa chỉ trụ sở chính: Một phần lô CN7 (Lô CN4\* theo Quyết định số 8792/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 của UBND thành phố Hà Nội), Khu công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai, xã Tây Phương,

thành phố Hà Nội, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở “Sản xuất, lắp ráp các loại bình nước nóng” với các nội dung như sau:

### **1. Thông tin chung của Cơ sở:**

1.1. Tên cơ sở: Sản xuất, lắp ráp các loại bình nước nóng.

1.2. Địa điểm hoạt động: Một phần lô CN7 (Lô CN4\* theo Quyết định số 8792/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 của UBND thành phố Hà Nội), Khu công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai, xã Tây Phương, thành phố Hà Nội.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 0500579201, đăng lần đầu ngày 25/01/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 20/12/2024, nơi cấp: phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 2133300056, chứng nhận lần đầu ngày 20/01/2008, chứng nhận thay đổi lần thứ 5 ngày 26/02/2025, nơi cấp: Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.

1.4. Mã số thuế: 0500579201.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, lắp ráp các loại thiết bị gia dụng phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Diện tích đất sử dụng: 10.000m<sup>2</sup> (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 654896 ngày 15/7/2008, nơi cấp: Sở Tài nguyên và môi trường Hà Nội).

- Nhóm dự án: Cơ sở tương đương dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định pháp luật về đầu tư công).

- Cơ sở tương đương dự án nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Công suất cơ sở: 1.020.000 sản phẩm/năm, cụ thể như sau:

+ Các loại bình nước nóng: 900.000 sản phẩm/năm

+ Các loại bếp: 120.000 sản phẩm/năm

- Quy trình sản xuất của cơ sở:

+ Quy trình sản xuất đối với sản phẩm bình nước nóng:

Nguyên liệu (hạt nhựa) → Sấy hạt nhựa → Đúc vỏ nhựa → Cắt bavia → Lắp thanh nhiệt → Bơm chất bảo ôn (chất cách nhiệt) → Lắp bộ dây điện, phụ kiện → Kiểm tra sản phẩm → Đóng gói, nhập kho.

+ Quy trình sản xuất đối với sản phẩm bếp điện, bếp gas, bếp từ, hút mùi, lò vi sóng:  
Nguyên liệu (hạt nhựa) → Sấy hạt nhựa → Đúc vỏ nhựa → Cắt bavia → Lắp đế nhựa, đáy tôn, dây nguồn → Lắp mạch điện, mâm từ → Lắp đặt kính → Kiểm tra sản phẩm → Đóng gói, nhập kho.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

### **Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Ferroli Asean:**

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Ferroli Asean có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội, các cơ quan chức năng nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định

tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội để được hướng dẫn.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Giao Phòng Xây dựng và Môi trường tham mưu để phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội, UBND xã Tây Phương và các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- UBND Thành phố;
- Văn phòng UBNDTP; | (để b/c)
- Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội; |
- UBND xã Tây Phương; | (để ph/h);
- Trưởng ban (để b/c);
- Phòng CSTT (để đăng tải lên Trang thông tin điện tử của Ban Quản lý);
- Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Hà Tây;
- Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Địa chất;
- Công ty TNHH Ferroli Asean;
- Phòng HTĐT, QLDN (để ph/h);
- Lưu: VT, XDMT.

**KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**Đinh Trần Quân**

## Phụ lục 1

### **NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-CNCCN ngày... tháng... năm 2025 của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội)*

#### **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

- Nước thải phát sinh tại Cơ sở của Công ty TNHH Ferroli Asean sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn bằng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt 15m<sup>3</sup>/ngày đêm, được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Thạch Thất – Quốc Oai; không xả nước thải trực tiếp ra ngoài môi trường.

- Chủ cơ sở đã có thỏa thuận đầu nối và ký Hợp cung cấp và sử dụng dịch vụ xử lý nước thải với Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Địa chất (là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp).

#### **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

##### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên, cụ thể như sau:

+ Nguồn thải số 01: Nước thải từ nhà vệ sinh khu vực Văn phòng → Bể tự hoại số 01 (V=20m<sup>3</sup>) → Đường ống UPVC D90 → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 15m<sup>3</sup>/ngày đêm.

+ Nguồn thải số 02: Nước thải từ nhà vệ sinh khu vực nhà xưởng sản xuất → Bể tự hoại số 02 (V=20m<sup>3</sup>) → Đường ống UPVC D90 → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 15m<sup>3</sup>/ngày đêm.

+ Nguồn thải số 03: Nước thải từ khu vực nhà bếp → Bể tách dầu mỡ → Đường ống UPVC D90 → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 15m<sup>3</sup>/ngày đêm.

Nước thải sinh hoạt sau khi tiền xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 15m<sup>3</sup>/ngày đêm → Đường ống UPVC D42 → Hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Thạch Thất – Quốc Oai.

- Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình làm mát khuôn đúc, cụ thể như sau:

+ Nguồn thải số 04: Nước thải làm mát khuôn đúc (xả định kỳ từ tháp giải nhiệt) → Đường ống UPVC D42 → Hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Thạch Thất – Quốc Oai.

## 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ → Bể thu gom → Bể điều hòa → Ngăn Selector bể SBR → Bể SBR → Bể khử trùng → Hệ thống thu gom và xử lý nước thải của Khu công nghiệp Thạch Thất – Quốc Oai.

- Công suất thiết kế: 15m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: Chlorine.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

## 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra tình trạng nước thải tại điểm đầu nối, đảm bảo chất lượng nước thải theo quy chuẩn đầu nối Khu công nghiệp.

- Có biện pháp ứng phó sự cố đối với nước thải trong các trường hợp lưu lượng nước thải tăng, chất lượng nước thải đầu ra không đạt yêu cầu, sự cố liên quan đến nút vỡ đường ống thu gom và thoát nước thải; trang bị một số thiết bị chủ yếu có nguy cơ mài mòn, thường xuyên bị hư hỏng để kịp thời thay thế khi gặp sự cố. Khi sự cố xảy ra, không xả nước thải ra môi trường và kịp thời thực hiện các biện pháp khắc phục; trong trường hợp không thể khắc phục sự cố, báo cáo với Chủ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp và thuê đơn vị đủ chức năng vận chuyển xử lý theo quy định.

Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh tại nhà máy (nguồn thải số 01, số 02 và số 03) sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn và nước thải sản xuất (nguồn thải số 03) được đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Thạch Thất – Quốc Oai, qua 01 điểm đầu nối, tọa độ: X = 2324073; Y = 513940 (Theo Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°, múi chiếu 3°).

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng.

- Thời gian dự kiến bắt đầu: Tháng 8/2025.

- Thời gian dự kiến kết thúc: Tháng 11/2025.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 15m<sup>3</sup>/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí

- Vị trí 1: Nước thải tại đầu vào hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

- Vị trí 2: Nước thải tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- *Thông số quan trắc:* Lưu lượng, Nhiệt độ, Màu, pH, BOD<sub>5</sub> (20°C), COD, Chất rắn lơ lửng, Asen, Thủy ngân, Chì, Cadimi, Crom (IV), Crom (III), Đồng, Kẽm, Niken,

Mangan, Sắt, Tổng xianua, Tổng phenol, Tổng dầu mỡ khoáng, Sunfua, Florua, Amoni (tính theo N), Tổng nito, Tổng phốt pho (tính theo P), Clorua, Clo dư, Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ, Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ, Tổng PCB, Coliform, Tổng hoạt độ phóng xạ  $\alpha$ , Tổng hoạt độ phóng xạ  $\beta$ .

- Quy chuẩn so sánh: Tiêu chuẩn Khu công nghiệp Thạch Thất – Quốc Oai.

### 2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, việc quan trắc do chủ Cơ sở tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải (03 mẫu nước thải đầu ra).

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của Cơ sở bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của Hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Thạch Thất – Quốc Oai, không xả trực tiếp ra môi trường dưới mọi hình thức.

3.2. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Thạch Thất – Quốc Oai.

3.4. Vận hành hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Nhà máy.

3.5. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.6. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải đến cơ quan cấp phép trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình để theo dõi và giám sát. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này, báo cáo về Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội trước khi thực hiện việc thay đổi.

3.7. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải gửi cơ quan cấp giấy phép môi trường trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm 20 ngày.

## Phụ lục 2

### NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-CNCCN ngày... tháng...năm 2025 của Ban Quản lý các Khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội)

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

##### 1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ 08 máy đúc vỏ nhựa;
- Nguồn số 02: Bụi, khí thải phát sinh từ 02 máy bơm chất bảo ôn;
- Nguồn số 03: Bụi phát sinh từ 01 máy cắt và 02 máy nghiền nhựa.

##### 2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

###### 2.1. Dòng khí thải

Tổng số lượng dòng khí thải đề nghị cấp phép: 03 dòng, trong đó:

- + Dòng thải số 01: Sau hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ nguồn số 01;
- + Dòng thải số 02: Sau hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ nguồn số 02;
- + Dòng thải số 03: Sau hệ thống xử lý bụi phát sinh từ nguồn số 03.

###### 2.1. Vị trí xả khí thải

+ Dòng thải số 01: Tương ứng ống thoát khí sau xử lý của nguồn thải số 01, toạ độ xả thải:  $X_1 = 2324116$ ;  $Y_1 = 513962$ .

+ Dòng thải số 02: Tương ứng ống thoát khí sau xử lý của nguồn thải số 02, toạ độ xả thải:  $X_2 = 2324114$ ;  $Y_2 = 513883$ .

+ Dòng thải số 03: Tương ứng ống thoát khí sau xử lý của nguồn thải số 03, toạ độ xả thải:  $X_3 = 2324143$ ;  $Y_3 = 513951$ .

(Theo Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến  $105^{\circ}00'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ )

Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên Cơ sở “Sản xuất, lắp ráp các loại bình nước nóng” của Công ty TNHH Ferroli Asean.

###### 2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất

Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:  $11.5000\text{m}^3/\text{h}$ , trong đó:

- + Dòng thải số 01: Lưu lượng  $6.000\text{m}^3/\text{h}$ .
- + Dòng thải số 02: Lưu lượng  $1.500\text{m}^3/\text{h}$ .
- + Dòng thải số 03: Lưu lượng  $4.000\text{m}^3/\text{h}$ .

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả liên tục 24/24 giờ hoặc gián đoạn theo chế độ làm việc của cơ sở.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm



đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCTĐHN 01:2014/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội, với các hệ số  $K_p = 1,0$  ( $P \leq 20.000 \text{ m}^3/\text{h}$ ) và  $K_v = 1$  (áp dụng với thông số: CO, HF và  $\text{NO}_x$  (Tính theo  $\text{NO}_2$ ));  $K_p = 1,0$  ( $P \leq 20.000 \text{ m}^3/\text{h}$ ) và  $K_v = 0,9$  (áp dụng với thông số: Bụi tổng và  $\text{SO}_2$ ) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
<b>Dòng thải số 01</b>					
1	Lưu lượng	$\text{m}^3/\text{h}$	<b>6.000</b>	Không thuộc đối tượng (*)	Không thuộc đối tượng (*)
2	Bụi tổng	$\text{mg}/\text{Nm}^3$	180		
3	CO	$\text{mg}/\text{Nm}^3$	1.000		
4	$\text{NO}_x$ (Tính theo $\text{NO}_2$ )	$\text{mg}/\text{Nm}^3$	850		
5	$\text{SO}_2$	$\text{mg}/\text{Nm}^3$	450		
6	Vinylclorua	$\text{mg}/\text{Nm}^3$	20		
7	Toluen – 2,4 - disocyanat	$\text{mg}/\text{Nm}^3$	0,7		
<b>Dòng thải số 02</b>					
1	Lưu lượng	$\text{m}^3/\text{h}$	<b>1.500</b>	Không thuộc đối tượng (*)	Không thuộc đối tượng (*)
2	Bụi tổng	$\text{mg}/\text{Nm}^3$	180		
3	CO	$\text{mg}/\text{Nm}^3$	1.000		
4	HF	$\text{mg}/\text{Nm}^3$	20		
5	$\text{NO}_x$ (Tính theo $\text{NO}_2$ )	$\text{mg}/\text{Nm}^3$	850		
6	$\text{SO}_2$	$\text{mg}/\text{Nm}^3$	450		
<b>Dòng thải số 03</b>					
1	Lưu lượng	$\text{m}^3/\text{h}$	<b>4.000</b>	Không thuộc đối tượng (*)	Không thuộc đối tượng (*)
2	Bụi tổng	$\text{mg}/\text{m}^3$	180		
<p><i>Ghi chú: kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp khi xả thải ra môi trường không khí đáp ứng quy định tại QCVN 19:2024/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp và các Quy chuẩn địa phương (nếu có).</i></p>					

(\*): Theo quy định tại Điều 98 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ các máy đúc nhựa được thu gom qua các chụp hút và các đường ống nhánh rồi qua đường ống chính dẫn về Hệ thống xử lý khí thải, công suất 6.000 m<sup>3</sup>/h.

- Nguồn số 02: Bụi, khí thải phát sinh từ các máy bơm bảo ôn được thu gom vào các đường ống nhánh rồi qua đường ống chính dẫn về Hệ thống xử lý khí thải, công suất 1.500 m<sup>3</sup>/h.

- Nguồn số 03: Bụi, khí thải phát sinh từ máy cắt nhựa và các máy nghiền nhựa được thu gom qua các chụp hút và các đường ống nhánh rồi qua đường ống chính dẫn về Hệ thống xử lý khí thải, công suất 4.000 m<sup>3</sup>/h.

### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi và khí thải:

*\* Hệ thống xử lý bụi, khí thải từ máy đúc vỏ nhựa:*

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Chụp hút → Đường ống nhánh → Đường ống chính → Tháp hấp phụ → Quạt hút → Ống thoát khí → Môi trường.

- Công suất thiết kế: 6.000 m<sup>3</sup>/h.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính hoặc các vật liệu khác tương đương đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này.

*\* Hệ thống xử lý bụi, khí thải từ máy bơm chất bảo ôn:*

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Đường ống nhánh → Đường ống chính → Tháp hấp phụ → Quạt hút → Ống thoát khí → Môi trường.

- Công suất thiết kế: 1.500 m<sup>3</sup>/h.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính hoặc các vật liệu khác tương đương đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này

*\* Hệ thống xử lý bụi, khí thải từ máy cắt và máy nghiền nhựa:*

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Chụp hút → Đường ống nhánh → Đường ống chính → Tháp lọc bụi túi vải → Quạt hút → Ống thoát khí → Môi trường.

- Công suất thiết kế: 4.000 m<sup>3</sup>/h.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Tầm lọc bụi hoặc các vật liệu khác tương đương đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đào tạo đội ngũ công nhân có kỹ thuật tốt, nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Định kỳ kiểm tra thiết bị quạt hút, ống dẫn khí, các thiết bị xử lý và theo dõi thường xuyên quá trình vận hành của hệ thống, thiết bị, thay thế định kỳ các vật liệu, hóa chất tiêu hao, vật liệu cần thay thế theo đúng yêu cầu kỹ thuật, nhằm đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định.

- Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố lớn, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho đến khi khắc phục được sự cố, đảm bảo không được gây ô nhiễm ra môi trường không khí.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng

- Thời gian dự kiến bắt đầu: Tháng 8/2025.

- Thời gian dự kiến kết thúc: Tháng 11/2025.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý bụi, khí thải từ máy đúc vỏ nhựa, công suất: 6.000m<sup>3</sup>/h;

- Hệ thống xử lý bụi, khí thải từ máy bơm chất bảo ôn, công suất: 1.500m<sup>3</sup>/h;

- Hệ thống xử lý bụi, khí thải từ máy cắt và máy nghiền nhựa, công suất: 4.000m<sup>3</sup>/h.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: tại ống thoát khí thải theo vị trí được cấp phép tại phần A phụ lục này.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại phần A phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số

02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, việc quan trắc do chủ Cơ sở tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải (03 mẫu bụi, khí thải đầu ra).

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý bụi, khí thải.

3.3. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống xử lý bụi, khí thải của Cơ sở.

3.4. Bố trí điểm quan trắc khí thải sau xử lý, sàn thao tác đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

3.5. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải đến cơ quan cấp phép trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình để theo dõi và giám sát. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này, báo cáo về Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội trước khi thực hiện việc thay đổi.

3.6. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải gửi cơ quan cấp giấy phép môi trường trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm 20 ngày.

3.7. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đảm bảo yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này ra môi trường và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

### Phụ lục 3

## **BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-CNCCN ngày... tháng... năm 2025 của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội)

### **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

#### **1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

##### **1.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: Từ hoạt động của máy đúc nhựa;
- Nguồn số 02: Từ hoạt động của máy bơm chất bảo ôn;
- Nguồn số 03: Từ hoạt động của máy nghiền nhựa;
- Nguồn số 04: Từ hoạt động của máy cắt nhựa;
- Nguồn số 05: Từ hoạt động của băng tải chuyên;
- Nguồn số 06: Từ hoạt động của Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, công suất 15m<sup>3</sup>/ngày đêm;
- Nguồn số 07: Từ hoạt động của Hệ thống xử lý bụi, khí thải từ máy đúc ép nhựa, công suất 6.000m<sup>3</sup>/h;
- Nguồn số 08: Từ hoạt động của Hệ thống xử lý bụi, khí thải từ máy bơm chất bảo ôn, công suất 1.500m<sup>3</sup>/h;
- Nguồn số 09: Từ hoạt động của Hệ thống xử lý bụi, khí thải từ máy nghiền nhựa và cắt nhựa, công suất 4.000m<sup>3</sup>/h.

##### **1.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung.**

Trong khuôn viên sản xuất của Cơ sở.

#### **2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật môi trường, cụ thể như sau:**

##### **2.1. Tiếng ồn:**

2.1.1. Tiếng ồn bảo đảm đáp ứng yêu cầu tại QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (thời gian áp dụng từ ngày cấp phép đến hết 31/12/2026)

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ - 21 giờ	Từ 21 giờ - 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

2.1.2. Tiếng ồn bảo đảm đáp ứng yêu cầu tại QCVN 26:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (thời gian áp dụng từ 01/01/2027)

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn (dBA)			Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Ngày (06h00 đến trước 18h00)	Tối (18h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 6h00)		
1	70	65	60	-	Khu vực E

2.2. Độ rung:

2.2.1. Độ rung bảo đảm đáp ứng yêu cầu tại QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (thời gian áp dụng từ ngày cấp phép đến ngày 31/12/2026)

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

2.2.2. Độ rung bảo đảm đáp ứng yêu cầu tại QCVN 27:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (thời gian áp dụng từ ngày 01/01/2027)

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Ngày (từ 06 giờ đến trước 22 giờ)	Đêm (từ 22 giờ đến trước 06 giờ)		
1	75	70	-	Khu vực D

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**

### **1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại các khu vực phát sinh tiếng ồn lớn.

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung:

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.
- Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn để

giảm thiểu độ rung.

- Sử dụng máy móc, thiết bị hiện đại, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo các thông số kỹ thuật.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

#### Phụ lục 4

### **YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-CNCCN ngày... tháng... năm 2025 của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội)

#### **A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

##### **1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

<b>STT</b>	<b>Tên chất thải</b>	<b>Mã chất thải</b>	<b>Khối lượng (kg/năm)</b>
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	30
2	Dầu động cơ hộp số tổng hợp thải	17 02 03	400
<b>Tổng</b>			<b>430</b>

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

<b>STT</b>	<b>Tên chất thải</b>	<b>Khối lượng (kg/năm)</b>
1	Bìa Carton	21.400
2	Bùn thải của hệ thống xử lý nước thải	168,84
<b>Tổng</b>		<b>21.568,84</b>

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 3.640 kg/năm.

1.4. Khối lượng chất thải phải kiểm soát phát sinh:

<b>STT</b>	<b>Tên chất thải</b>	<b>Mã chất thải</b>	<b>Khối lượng (kg/năm)</b>
1	Hộp mực in thải	08 02 04	10
2	Giẻ lau, găng tay dính dầu, hóa chất	18 02 01	15
3	Than hoạt tính thải	18 02 01	960
<b>Tổng</b>			<b>985</b>

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

##### **2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

- Kho lưu chứa: 01 kho lưu chứa bên ngoài khu vực nhà xưởng sản xuất.
- Diện tích kho: 10m<sup>2</sup>.
- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Có mái che kín, tường bao xung quanh, nền chống thấm, có khay chống tràn bên dưới các thùng chứa chất thải nguy hại dạng



lồng. Có đầy đủ thiết bị phòng cháy chữa cháy, có cửa đóng mở khi ra vào và có biển cảnh báo chất thải nguy hại theo quy định.

- Biện pháp quản lý: Chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

## **2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

- Khu vực lưu chứa: 01 khu vực lưu chứa bên ngoài nhà xưởng sản xuất.

- Diện tích: 65 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Kết cấu mái che kín, lợp tôn, có biển báo.

- Biện pháp quản lý: Đối với nhựa thải được tái sử dụng làm nguyên liệu sản xuất tại cơ sở (qua các máy tạo hạt). Đối với bìa carton chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

## **2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

- Khu vực lưu giữ: Lưu giữ cùng với khu vực chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường, có vách ngăn.

- Biện pháp quản lý: Chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

## **3. Hoạt động tái sử dụng chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

- Loại chất thải tái sử dụng: Vỏ nhựa lõi hồng, bavia nhựa thừa từ công đoạn đúc vỏ nhựa tại Cơ sở.

- Khối lượng chất thải tái sử dụng: tối đa 1,43 tấn/năm

- Tóm tắt quy trình công nghệ tái sử dụng:

- Quy trình nghiền nhựa tái sử dụng: Nguyên liệu → Phân loại → Nghiền nhựa → Hạt nhựa → Tái sản xuất trong dây chuyền sản xuất nhựa của nhà máy.

- Công suất thiết kế: 1,43 tấn/năm

- Sản phẩm sau tái chế: Hạt nhựa.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Xây dựng và thực hiện phương án phòng chống, ứng phó sự cố hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3. Định kỳ kiểm tra các thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý khí thải; thường xuyên theo dõi quá trình hoạt động bảo đảm hoạt động ổn định của hệ thống xử lý

khí thải; đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

4. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT để có biện pháp quản lý phù hợp.

5. Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố lớn, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho tới khi khắc phục được sự cố, đảm bảo không được gây ô nhiễm môi trường và thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường để có biện pháp khắc phục kịp thời.

6. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

## **Phụ lục 5**

### **CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-CNCCN ngày... tháng... năm 2025 của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội)*

#### **A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

#### **B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

#### **C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:**

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu vệ sinh môi trường và theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phải luôn đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp phân loại rác thải tại nguồn.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn vệ sinh thực phẩm, quản lý hóa chất và phòng cháy chữa cháy, cứu nạn cứu hộ theo quy định hiện hành.

4. Công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Đầu nối và xử lý sơ bộ nước thải đạt yêu cầu quy định của Khu công nghiệp Nam Thăng Long.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường).

7. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.